TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2019
V/v "*Ly hôn, t/c về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Văn Mỳ

2. Bà Hoàng Thị Hồng Quyên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 và Quyết dịnh hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Ngọc T, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai khác có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh S tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng

đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2009 ngày 15/5/2009. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S không chăm lo cho gia đình, có quan hệ với người phụ nữ khác từ đó anh S về nhà thường gây gỗ, đánh đập chị. Chị đã cố gặng chịu đựng và khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S không nghe mà cứ tiếp diễn, kéo dài nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu sống một tháng. Sau đó do anh S không lo cho con nên chị phải trở về nhà sống, còn anh S đi sống với người phụ nữ khác. Từ đó cho đến nay, chị và anh S không liên lạc, quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh S, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh S.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh S có 03 con chung là: Nguyễn Thị Sơn T, sinh ngày 01/12/1996, Nguyễn Thị Trâm Đ, sinh ngày 22/6/2000 và Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 09/10/2007. Hiện nay cháu Đ1 đang sống với chị. Còn cháu T và cháu Đ đã trưởng thành, có khả năng lao động và có chỗ ở khác.

Nếu ly hôn chị xin được nuôi cháu Đ1 và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu T và cháu Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, có nhà ở ổn định, hàng tháng cháu Đ còn cho tiền chị nên chị có đủ điều kiện nuôi cháu Đ1.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh S đã được tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn không có lời khai.*

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về thụ lý vụ án: Tòa án thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật;

+ Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Tòa án không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật;

+ Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát: Đúng thời hạn luật định;

+ Về cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát: Đúng theo quy định của pháp luật;

+ Các thông báo, thành phần, trình tự và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Đúng theo quy định của pháp luật;

+ Về xác minh, thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật;

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của pháp luật;

+ Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn vắng mặt trong quá trình xét xử;

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị T không còn tình cảm với anh S nên đề nghị cho chị T được ly hôn với anh S;

+ Về quan hệ con chung: Chị T, anh S có 3 con chung tên là Nguyễn Thị Sơn T, sinh ngày 01/12/1996, Nguyễn Thị Trâm Đ, sinh ngày 22/6/2000, Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 09/10/2007. Hiện nay cháu T và Đ đã trưởng thành, có khả năng lao động và có chỗ ở, còn cháu Đ1 đang sống chung với chị T. Đề nghị giao cháu Đ1 cho chị T nuôi con chung và anh S không cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu T và cháu Đ đã trưởng thành nên đề nghị không giải quyết;

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết;

+ Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1]. Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Nguyễn Thanh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh S.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị Ngọc T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Thanh S, nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Tài sản chung, nợ chung chị và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Bùi Thị Ngọc T là nguyên đơn, anh Nguyễn Thanh S là bị đơn; quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

* Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân xét thấy: Chị T và anh S chung sống với nhau từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn năm 2009 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2009 ngày 15/5/2009 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Theo chị T, sau khi kết hôn chị và anh S chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh S không chăm lo cho gia đình, có quan hệ với phụ nữ khác nên về nhà gây sự, đánh đập chị. Mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Sơn không nghe mà sự việc cứ kéo dài cho đến nay.

[3]. Còn đối với anh S đã được Tòa án tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn không có lời khai.

[4]. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu: Trong quá trình chung sống, chị T và anh S có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân có sự bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xung đột nhau. Càng về sau mâu thuẫn càng trầm trọng dẫn đến từ 2017 chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S chưa được chính quyền địa phương hòa giải. Hiện nay chị T xin ly hôn với anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

[5]. Từ những chứng cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh S là có thật và đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Bùi Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

[6]. Về con chung: Theo chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện, chị T và anh S có 03 con chung là: Nguyễn Thị Sơn T, sinh ngày 01/12/1996, Nguyễn Thị Trâm Đ, sinh ngày 22/6/2000 và Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 09/10/2007. Hiện nay cháu Đ1 đang sống với chị T. Còn cháu T và Đ đã trưởng thành, có khả năng lao động và có chỗ ở khác.

[7]. Xét thấy, anh S không có trách nhiệm gia đình, vợ, con. Có quan hệ với phụ nữ khác; Còn chị T có nghề nghiệp, chỗ ở ổn định, có trách nhiệm với gia đình, con; ý kiến của cháu Đ1 nếu ba mẹ ly hôn mong muốn ở với mẹ là chị T. Do đó, giao cháu Đ1 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ghi nhận sự tự nguyện của chị T: tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đ1. Còn cháu T và cháu Đ đã trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8]. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[9]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[10]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Bùi Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001585 ngày 22/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị Bùi Thị Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[11]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Thanh S.

[2]. Về quan hệ con chung Chị Bùi Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thanh S có 03 con chung là: Nguyễn Thị Sơn T, sinh ngày 01/12/1996, Nguyễn Thị Trâm Đ, sinh ngày 22/6/2000 và Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 09/10/2007. Hiện nay cháu Đ1 đang sống với chị T. Còn cháu T và Đ đã trưởng thành, có khả năng lao động và có chỗ ở khác. Giao cháu Nguyễn Minh Đ1 cho chị Bùi Thị Ngọc T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ghi nhận sự tự nguyện của chị T: tạm thời anh Nguyễn Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thị Sơn T, Nguyễn Thị Trâm Đ đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Bùi Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001585 ngày 22/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị Bùi Thị Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Ngọc T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Thanh S quyền kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu (02);
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu (01);
- UBND xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)
Võ Xuân Sơn